

Số: *86* /2019/NQ-HĐND

Vĩnh Phúc, ngày *11* tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và
tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính Phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính qui định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 191/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết về quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. *h*

2. Đối tượng áp dụng

Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác (sau đây gọi chung là nông dân).

Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cá nhân).

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là Hợp tác xã).

Doanh nghiệp.

Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện nghị quyết này.

3. Chính sách hỗ trợ

a) Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết: Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết bao gồm: Tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường. Mức hỗ trợ cụ thể như sau:

Liên kết có giá trị dưới 10 tỷ đồng, mức hỗ trợ tối đa 150 triệu đồng.

Liên kết có giá trị từ 10 tỷ đồng đến dưới 20 tỷ đồng, mức hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng.

Liên kết có giá trị từ 20 tỷ đồng đến dưới 30 tỷ đồng, mức hỗ trợ tối đa 250 triệu đồng.

Liên kết có giá trị từ 30 tỷ đồng trở lên, mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng.

b) Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết: Dự án liên kết được Ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: Nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Mức hỗ trợ cụ thể như sau:

Dự án liên kết có quy mô về vốn đầu tư đến 10 tỷ đồng, tổng mức hỗ trợ tối đa 3 tỷ đồng.

Dự án liên kết có quy mô về vốn đầu tư từ trên 10 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng, tổng mức hỗ trợ tối đa 6 tỷ đồng.

Dự án liên kết có quy mô về vốn đầu tư từ trên 20 tỷ đồng đến 30 tỷ đồng, tổng mức hỗ trợ tối đa 9 tỷ đồng.

Dự án liên kết có quy mô về vốn đầu tư từ trên 30 tỷ đồng, tổng mức hỗ trợ tối đa 10 tỷ đồng.

c) Hỗ trợ khuyến nông, đào tạo, tập huấn và giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm:

Xây dựng mô hình khuyến nông: Dự án liên kết được hỗ trợ xây dựng 01 mô hình khuyến nông. Chính sách hỗ trợ, mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ thực hiện theo

quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông và các văn bản pháp luật có liên quan.

Hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường. Mức hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/dự án liên kết hoặc kế hoạch liên kết.

Hỗ trợ tối đa 50% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu; 100 % chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm. Thời gian hỗ trợ không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã. Mức hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng/dự án liên kết hoặc kế hoạch liên kết.

Ngân sách hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi. Mức hỗ trợ tối đa 400 triệu đồng/dự án liên kết hoặc kế hoạch liên kết.

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn Ngân sách cấp tỉnh được cân đối trong dự toán Ngân sách hàng năm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

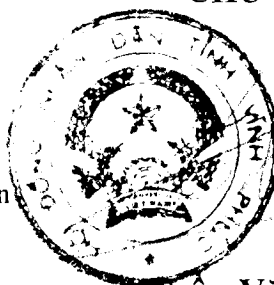
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc khóa XVI, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 12 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra VB quy phạm pháp luật Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đảng ủy Khối các cơ quan, Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực các huyện, thành ủy; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện;
- Báo Vĩnh Phúc, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng, chuyên viên Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT, TH (01).H (100).

CHỦ TỊCH



Trần Văn Vinh